

Số: /QĐ-UBND

Sáng Mộc, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND xã và thủ tục hành chính liên thông thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã Sáng Mộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SÁNG MỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các quyết định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố các danh mục thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng – Thống kê xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai 132 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND xã và 30 thủ tục hành chính liên thông thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Sáng Mộc (Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Cán bộ, công chức chuyên môn căn cứ vào Danh mục thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng,

đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã tổ chức niêm yết công khai theo quy định.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND xã, Bộ phận TN&TKQ xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND huyện;
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- Các cơ quan ban ngành xã;
- CBCC xã;
- Trang thông tin xã;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Mai Duy Yên

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ XÃ PHƯƠNG GIAO
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023
của Chủ tịch UBND xã Sảng Mộc)

A. THỦ TỤC THỰC HIỆN TẠI XÃ

STT	Mục	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	I	LĨNH VỰC TƯ PHÁP- HỘ TỊCH	
	1	Lĩnh vực chứng thực	
1	1.1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QĐ 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
2	1.2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
3	1.3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
4	1.4	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
5	1.5	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
6	1.6	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
7	1.7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
8	1.8	Chứng thực di chúc	
9	1.9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
10	1.10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
11	1.11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
	2	Lĩnh vực biện pháp bảo đảm	QĐ 79/QĐ-UBND, ngày 18/01/2023
12	2.1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	
13	2.2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	

14	2.3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	
15	2.4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	
16	2.5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán Nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất.	
	3	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (TT: 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP)	
17	3.1	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	
	4	Lĩnh vực nuôi con nuôi	
18	4.1	Thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	QĐ:259/QĐ-UBND, ngày 23/02/2023
19	4.2	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
	5	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật	
20	5.1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
21	5.2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	
	6	Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở	
22	6.1	Thủ tục công nhận hòa giải viên	
23	6.2	Thủ tục công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải viên	
24	6.3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	
25	6.4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
	6	Lĩnh vực hộ tịch	
26	6.1	Thủ tục đăng ký khai sinh	QĐ:259/QĐ-UBND, ngày 23/02/2023
27	6.2	Thủ tục đăng ký kết hôn	
28	6.3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
29	6.4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
30	6.5	Thủ tục đăng ký khai tử	
31	6.6	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
32	6.7	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
33	6.8	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	
34	6.9	Thủ tục đăng ký giám hộ	
35	6.10	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	
36	6.11	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	
37	6.12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
38	6.13	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	

39	6.14	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
40	6.15	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
41	6.16	Thủ tục đăng ký lại khai tử	
	II	LĨNH VỰC LĐTBXH	
	1	Lĩnh vực giảm nghèo	
42	1.1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QĐ 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh TN
43	1.2	Thủ tục Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	
	2	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	
44	2.1	Thủ tục Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên
45	2.2	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
46	2.3	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
47	2.4	Thủ tục Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	
48	2.5	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	
	3	Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em	
49	3.1	Thủ tục Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QĐ 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên
50	3.2	Thủ tục Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
51	3.3	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
52	3.4	Thủ tục Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	
53	3.5	Thủ tục Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
54	3.6	Thủ tục Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	

55	4	Phòng chống tệ nạn xã hội	
56	4.1	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QĐ 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh
57	4.2	Thủ tục “Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng”	
	5	Chính sách người có công	
58	5.1	Giấy xác nhận thân nhân của người có công	QĐ 792/QĐ-UBND ngày 15/4/2022
	III	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI	
59	1	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên
60	2	Xác định trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	
61	3	Đăng ký phương tiện đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	
62	4	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
63	5	Đăng ký lại trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
64	6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
65	7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
66	8	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
67	9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
68	10	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
	IV	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
	1	Phòng chống thiên tai	
69	1.1	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QĐ 1555/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh TN
70	1.2	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	

71	1.3	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	
72	1.4	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QĐ 3127/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh TN
73	1.5	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	
	2	Thủy lợi	
74	2.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QĐ 1555/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh TN
75	2.2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
76	2.3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
	3	Trồng trọt	
77	3.1	Chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	
	4	Nông nghiệp	
78	4.1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	
	5	Thủ tục liên thông	
79	5.1	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	
	V	LĨNH VỰC NỘI VỤ	
	1	Thi đua - khen thưởng	
80	1.1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QĐ 2311/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên
81	1.2	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	
82	1.3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	
83	1.4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	
84	1.5	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
	2	Tín ngưỡng - Tôn giáo	
85	2.1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	

86	2.2	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QĐ 2311/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên
87	2.3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	
88	2.4	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
89	2.5	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
90	2.6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
91	2.7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung ở trong địa bàn một xã	
92	2.8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
93	2.9	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
94	2.10	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
	VI	LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO - THƯ VIỆN	
95	1	Thủ tục xét tặng giấy khen “Gia đình văn hóa”	QĐ 260/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên
96	2	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm	
97	3	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	
98	4	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	
99	5	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	
100	6	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	
101	7	Thủ tục Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	
	VIII	LĨNH VỰC THANH TRA	
102	1	Thủ tục Xử lý đơn cấp xã	QĐ 1653/QĐ-UBND ngày 14/7/2022
103	2	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	
104	3	Thủ tục Giải quyết khiếu nại	QĐ 2968/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
105	4	Thủ tục Giải quyết tố cáo	
	IX	LĨNH VỰC TỔ HỢP TÁC	
106	1	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Quyết định số: 2544/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
107	2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	
108	3	Thông báo thành lập tổ hợp tác	
	X	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	

109	1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QĐ 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021
110	2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
111	3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
112	4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
113	5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	
	XI	LĨNH VỰC DÂN SỐ - KKHGD	
114	1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QĐ 1839/QĐ-UBND ngày 09/6/2022
	XII	LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH THUẾ	
115	1	Thủ tục Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 23/9/2021
	XIII	LĨNH VỰC DÂN TỘC	
116	1	Thủ tục công nhận người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	QĐ 2504/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
117	2	Thủ tục đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	
	XIV	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
118	1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	QĐ 3679/QĐ-UBND ngày 24/11/2021
119	2	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (UBDN cấp xã)	QĐ 418/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 tỉnh Thái Nguyên
	XIII	LĨNH VỰC CÔNG AN	
120	1	Tách hộ	QĐ 5548/QĐ-BCA-C6 ngày 06/7/2021 của Bộ Trưởng Bộ Công an
121	2	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	
122	3	Khai báo thông tin về cư trú	
123	4	Xác nhận thông tin về cư trú	
124	5	Đăng ký thường trú	
125	6	Xóa đăng ký thường trú	
126	7	Đăng ký tạm trú	
127	8	Gia hạn tạm trú	
128	9	Xóa đăng ký tạm trú	

129	10	Thông báo lưu trú	
130	11	Khai báo tạm vắng	
	XIV	LĨNH VỰC QUÂN SỰ	
131	3	Thủ tục đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (chủ phương tiện là cá nhân).	QĐ 6184/QĐ-BQP ngày 28/12/2019
132	4	Thủ tục xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (chủ phương tiện là cá nhân)	

B. THỦ TỤC LIÊN THÔNG

STT	STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	I	LĨNH VỰC TƯ PHÁP- HỘ TỊCH	
	1	Lĩnh vực hộ tịch	
1	1.1	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QĐ:259/QĐ-UBND, ngày 23/02/2023
	II	LĨNH VỰC LĐTĐ	
	1	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	
2	1.1	Thủ tục Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QĐ 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh
3	1.2	Thủ tục Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	
4	1.3	Thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
5	1.4	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
6	1.5	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	
7	1.6	Thủ tục Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện	
8	1.7	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	

9	1.8	Thủ tục tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, xã vào cơ sở trợ giúp trẻ em	
10	1.9	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
11	1.10	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	
	2	Phòng chống tệ nạn xã hội	
12	2.2	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QĐ 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh
	3	Chính sách người có công	
13	3.1	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
14	3.2	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
15	3.3	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
16	3.4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	
17	3.5	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	
18	3.6	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	
19	3.7	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QĐ 792/QĐ-UBND ngày 15/4/2022
20	3.8	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	
21	3.9	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	

22	3.10	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
23	3.11	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	
24	3.12	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
25	3.13	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
26	3.14	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
27	3.15	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	
28	3.16	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
	III	LĨNH VỰC QUÂN SỰ	
29	1	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	QĐ 6184/QĐ-BQP ngày 28/12/2019
30	2	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	